TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ánh T - Sinh năm: 1994
Địa chỉ: Thôn AD, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn N - Sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn 1, xã BN, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 5 tháng 4 năm 2022 quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Trương Văn N quen biết tìm hiểu nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn vào ngày 31/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau thì anh N thường xuyên ăn nhậu bỏ bê gia đình không có trách nhiệm, chị đã nhờ gia đình hai bên can thiệp nên anh N có

phần hạn chế việc ăn nhậu. Đến năm 2014 chị sinh con, thời gian này rất khó khăn vất vả nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh N thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, vì thương con nhỏ nên chị chịu đựng sống trong bạo hành gia đình, từ năm 2019 đến nay chị và anh N không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị không thể chịu đựng được nữa nên quyết định ly hôn anh N, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương K, (Giới tính: Nam) - sinh ngày 06/9/2014, cháu K hiện đang ở với chị, cháu đã trên 07 tuổi, khi ly hôn nguyện vọng cháu ở với ai quyền của cháu, nếu cháu K ở với chị, thì chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trương Văn N vắng mặt không có lý do:

Về các thủ tục giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc chị T xin ly hôn, nhưng anh Trương Văn N đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm của anh N về những nội dung chị N yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Trương Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh N. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh T, cho chị Trần Thị Ánh T được ly hôn với anh Trương Văn N. Về con chung: Giao cháu Trương K, (Giới tính: Nam) - sinh ngày 06/9/2014 cho chị T nuôi dưỡng vì nguyện vọng cháu K muốn ở với chị T, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trương Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Trương Văn N kết hôn vào ngày 31/7/2013 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày anh N thường xuyên ăn nhậu bỏ bê gia đình không có trách nhiệm

còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, vì thương con nhỏ nên chịu đựng sống trong bạo hành gia đình. Chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn N .

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 12/5/2022 của Công an xã Binh Nghi, hiện anh N đang sinh sống tại địa phương, nguyên nhân tình trạng hôn nhân, con chung của chị T và anh N địa phương không nắm được. Việc anh N không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ anh N không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương K, (Giới tính: Nam) - sinh ngày 06/9/2014. Ly hôn cháu K có nguyện vọng ở với chị T, chị T yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu K có nguyện vọng ở với chị T, anh N không quan tâm đến con, không có trách nhiệm gì với con. Vì vậy giao con chung Trương K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị T nhận trách nhiệm nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007217 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T được ly hôn anh Trương Văn N.

3. Về con chung: Giao cháu Trương K, (giới tính: Nam) - sinh ngày 06/9/2014 cho chị Trần Thị Ánh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh Trương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên không xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007217 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Minh Trí